

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K**

TỈNH GIA LAI

Bản án số:08/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20/7/2023

“V/v ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ksor H'Quá

2. Bà Tạ Thị Hải

-Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Buôn k, xã c, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc P, sinh năm 1974

Địa chỉ: Buôn k, xã c, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

-Về hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Hoàng Ngọc P qua thời gian tìm hiểu, xuất phát từ tình cảm yêu thương nhau và về chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức đám cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai, tuy nhiên quá trình di chuyển nơi ở đã làm thất lạc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Sau khi về chung sống với nhau thì cuộc sống vợ chồng tuy khó khăn về kinh tế

nhưng hạnh phúc, yêu thương nhau cùng nhau lo làm ăn gây dựng cuộc sống. Khoảng vài năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không còn hạnh phúc như trước. Hiện nay vợ chồng đều đã lớn tuổi, con cái đã lớn nên bà Hoa muốn chấm dứt cuộc hôn nhân không có hạnh phúc với ông Phương.

- *Về con chung*: Bà Bùi Thị H và ông Hoàng Ngọc P có 04 con chung gồm Hoàng Thị A, sinh ngày 01/01/1995; Hoàng Thị L, sinh ngày 24/4/1997; Hoàng Thị Tố U, sinh ngày 23/8/2005 và Hoàng Ngọc Bình Ng, sinh ngày 14/9/2010.

Người nuôi con sẽ theo nguyện vọng của con, nếu con chưa thành niên là Hoàng Thị Tố U và Hoàng Ngọc Bình Ng muốn ở với bà H thì bà H đồng ý là người nuôi con. Nếu các con muốn ở với ông Ph thì bà H cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Hoàng Ngọc Ph trình bày ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân*: Ông Hoàng Ngọc Ph và bà Bùi Thị H xuất phát từ tình cảm tự nguyện, về chung sống như vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do vợ chồng không còn có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không còn tình cảm yêu thương chia sẻ. Hiện tại vợ chồng đều đã lớn tuổi, đều muốn giải thoát cho nhau không còn ràng buộc gì nữa. Vì vậy, ông P đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị H.

- *Về con chung*: Vợ chồng ông bà có 04 con chung là Hoàng Thị A, sinh ngày 01/01/1995; Hoàng Thị L, sinh ngày 24/4/1997; Hoàng Thị Tố U, sinh ngày 23/8/2005 và Hoàng Ngọc Bình Ng, sinh ngày 14/9/2010.

Các con Hoàng Thị A và Hoàng Thị L đều đã thành niên, có gia đình riêng và sống tự lập.

Đối với 02 con chưa thành niên là Hoàng Thị Tố U và Hoàng Ngọc Bình Ng thì tùy theo nguyện vọng của các con. Nếu các con muốn ở với ông thì ông P đồng ý nuôi cả 02 con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS và các Điều 9, 51, 56, 81, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử không công nhận bà Bùi Thị H và ông Hoàng Ngọc P là vợ chồng.

- *Về con*: Bà Bùi Thị H và ông Hoàng Ngọc P có 04 con chung là Hoàng Thị A, sinh ngày 01/01/1995; Hoàng Thị L, sinh ngày 24/4/1997; Hoàng Thị Tố U, sinh ngày 23/8/2005 và Hoàng Ngọc Bình Ng, sinh ngày 14/9/2010. Các con chung chưa thành niên đều có nguyện vọng muốn ở với ông Hoàng Ngọc P, phù hợp với nguyện vọng của đương sự, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và nguyên đơn bà Bùi Thị H khởi kiện bị đơn ông Hoàng Ngọc P có nơi cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Bùi Thị H và ông Hoàng Ngọc P đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2005, không có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Ngày 15/5/2023 Tòa án đã tiến hành xác minh tại buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai thì được biết cuộc sống chung của bà H và ông P có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện tại đã sống ly thân.

Ngày 19/4/2023 có văn bản cung cấp tài liệu, chứng cứ của Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai, là nơi bà Bùi Thị H và ông Hoàng Ngọc P đã và đang sinh sống về việc có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hay không. Kết quả cung cấp cho thấy bà Bùi Thị H và ông Hoàng Ngọc P sống chung không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này”.

Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con”.

Như vậy, bà H và ông P chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P là không hợp pháp nên phải được giải quyết bằng bản án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông P là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3.2] *Về con*: Bà Bùi Thị H và ông Hoàng Ngọc P có 04 con chung là Hoàng Thị A, sinh ngày 01/01/1995; Hoàng Thị L, sinh ngày 24/4/1997; Hoàng Thị Tô U, sinh ngày 23/8/2005 và Hoàng Ngọc Bình Ng, sinh ngày 14/9/2010. Các con chung chưa thành niên đều có nguyện vọng muốn ở với ông Hoàng Ngọc P, phù hợp với nguyện vọng của đương sự, và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tòa án đã giải thích về quyền của người trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, bà H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà Bùi Thị H và ông Hoàng Ngọc P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị H và ông Hoàng Ngọc P.

- *Về con:* Giao 02 con chung chưa thành niên Hoàng Thị Tố U, sinh ngày 23/8/2005 và Hoàng Ngọc Bình Ng, sinh ngày 14/9/2010 cho ông Hoàng Ngọc P được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- *Về cấp dưỡng:* Bà Bùi Thị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu bà Bùi Thị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà H.

Ông P cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Bà Bùi Thị H và ông Hoàng Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001867 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Bà Bùi Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Gia Lai(01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Dung

